

BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thực hiện Kết luận số 246-KL/TU ngày 02/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025.

- Sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 phê duyệt Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 (*sau đây viết tắt là Chương trình*).

- UBND tỉnh thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình nhằm sớm đưa vào thực tiễn cuộc sống, góp phần đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương, đơn vị, các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường tuyên truyền triển khai kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch... của tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình cho giai đoạn 2021-2025 và từng năm phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đôn đốc các đơn vị trực thuộc xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện Chương trình; chú trọng tuyên truyền, phổ biến, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình. Ban hành các kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm của từng năm học; các văn bản chỉ đạo nhiệm vụ chuyên môn các cấp học, từng chuyên đề tập trung sâu vào các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Thường xuyên kiểm tra, thống kê, báo cáo nhằm rút kinh nghiệm và nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân trong triển khai thực hiện Chương trình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Mạng lưới, quy mô, loại hình trường lớp

1.1. Mạng lưới, loại hình trường, lớp

- Mạng lưới trường, lớp các cấp học được củng cố, phát triển, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được cơ bản nhu cầu học tập của con em Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tính đến tháng 5/2025, toàn tỉnh có 673 trường mầm non, phổ thông và 15 trung tâm, trong đó:

+ Cấp mầm non có 245 trường (216 trường công lập, 29 trường ngoài công lập), trong đó thành lập mới 06 trường; giải thể 05 trường; sáp nhập 02 trường thành 01 trường¹; toàn tỉnh có 179 điểm trường lẻ, giảm 21 điểm trường lẻ so với năm 2020. So với mục tiêu đến năm 2025: Trong giai đoạn 2021-2025 đã thành lập mới 06 trường, tuy nhiên do thực hiện giải thể, sáp nhập trường nên hiện tại chỉ còn 245 trường.

+ Cấp tiểu học có 200 trường (198 trường công lập; 02 trường ngoài công lập), giảm 14 trường so với năm 2020, trong đó giảm 12 trường do sáp nhập vào trường trung học cơ sở; 03 trường do sáp nhập cùng cấp; thành lập 02 trường tiểu học mới; 01 trường giải thể²; toàn tỉnh có 113 điểm trường lẻ, giảm 23 điểm trường lẻ so với năm 2020. So với mục tiêu đến năm 2025: Trong giai đoạn 2021-2025 đã thành lập mới 02 trường, tuy nhiên do thực hiện giải thể, sáp nhập trường nên hiện tại chỉ có 200 trường.

¹ - Thành lập mới 06 trường mầm non, trong đó 02 trường công lập: MN Thắng Lợi, MN Sơn Ca (TP Sông Công); 04 trường mầm non ngoài công lập: MN SunShine (huyện Đồng Hỷ), MN Quốc tế PB (thành phố Thái Nguyên); MN Hoa Trạng Nguyên (TP Phổ Yên); MN Hoa Trạng Nguyên (TP Sông Công).

- Sáp nhập trường MN Hoa Hồng và MN Bê Tông Xây Dựng (TP Thái Nguyên); Giải thể 05 trường mầm non ngoài công lập: MN Tài Hoa; MN BaBy Shark; MN Thái Hải; MN Lệ Thanh; MN SuKids Montessori.

² - (1) TH Vạn Thọ sáp nhập vào THCS Vạn Thọ; (2) TH Minh Tiến sáp nhập vào THCS Minh Tiến; (3) TH Phục Linh sáp nhập vào THCS Phục Linh; (4) TH An Khánh sáp nhập vào THCS An Khánh; (5) TH Tân Thái sáp nhập vào THCS Tân Thái; (6) TH Quân Chu sáp nhập vào THCS Quân Chu; (7) TH Việt Ân sáp nhập vào THCS Việt Ân (8) TH Hòa Bình sáp nhập vào THCS Hòa Bình; (9) TH Định Biên sáp nhập vào THCS Định Biên; (10) TH Phúc Chu sáp nhập vào THCS Phúc Chu (11) TH Sơn Cẩm 2 sáp nhập vào THCS Sơn Cẩm (12) PTDTBT TH Sáng Mộc sáp nhập vào PTDTBT THCS Sáng Mộc. (1) TH Lịch Sơn sáp nhập vào TH La Hiên; (2) TH Phú Thượng 2 sáp nhập vào TH Phú Thượng; (3) TH Tích Lương 2 sáp nhập vào TH Tích Lương 1;

- Giải thể trường TH Thái Hải.

- Trường TH Đội Cấn tách ra thành 02 trường: Trường TH Đội Cấn 1 và Trường TH Đội Cấn 2 (trường công lập, thuộc thành phố Thái Nguyên). Thành lập mới Trường TH Hoa Trạng Nguyên (trường ngoài công lập thuộc thành phố Thái Nguyên).

+ Cấp trung học cơ sở có 191 trường (190 trường công lập, 01 trường ngoài công lập), giảm 02 trường so với năm 2020 do thực hiện sáp nhập³. Trong đó, có 26 trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở; 05 trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở; 08 trường phổ thông dân tộc bán trú cấp trung học cơ sở; toàn tỉnh có 07 điểm trường lẻ, tăng 05 điểm trường lẻ do sáp nhập so với năm 2020. So với mục tiêu đến năm 2025: Trong giai đoạn 2021-2025 đã thực hiện sáp nhập trường nên hiện tại chỉ còn 191 trường.

+ Cấp trung học phổ thông có 37 trường, tăng 04 trường so với năm 2020⁴; trong đó có 32 trường công lập (tăng 02 trường), 05 trường ngoài công lập (tăng 02 trường). Có 01 trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông; 01 trường trung học phổ thông Chuyên và 01 trường phổ thông dân tộc nội trú; 01 trường trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên⁵. So với mục tiêu đến năm 2025: Số trường trung học phổ thông đã vượt mục tiêu theo kế hoạch. Hiện nay, tỉnh đang triển khai đề án xây dựng thêm 01 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học phổ thông và 01 trường trung học phổ thông công lập mới.

+ Các trung tâm: Có 01 trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; 09 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 01 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật công lập và 04 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục. So với mục tiêu đến năm 2025: Đã đảm bảo giữ ổn định số lượng các trung tâm theo đúng kế hoạch.

- Ngoài ra có 172 trung tâm học tập cộng đồng (giảm 06 trung tâm do tỉnh thực hiện sáp nhập địa giới hành chính). So với mục tiêu đến năm 2025: Số lượng trung tâm học tập cộng đồng giảm do thực hiện sáp nhập xã, phường, thị trấn.

1.2. Quy mô, số lượng học sinh

Hiện nay, tổng số học sinh/trẻ/học viên của toàn tỉnh là 349.296, tăng 28.325 học sinh/trẻ/học viên so với năm 2020. Quy mô theo từng cấp học:

- Cấp học mầm non: Tổng số có 81.176 trẻ đến lớp, trong đó:

+ Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (dưới 3 tuổi) đi học đạt 37,3%, **vượt 2,3%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 35%).

+ Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo (3-5 tuổi) đi học đạt 99,2%, **vượt 3,2%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 96%).

+ Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học đạt 100%, giữ ổn định so với năm 2020 và **đạt** mục tiêu đề ra (mục tiêu 100%).

³ Trường THCS Lịch Sơn sáp nhập với Trường THCS La Hiên; THCS Thống Nhất sáp nhập với THCS Bình Long (thuộc huyện Võ Nhai).

⁴ Trường THPT Đội Cấn (huyện Đại Từ); THPT Tức Tranh (huyện Phú Lương); THPT Võ Nguyên Giáp, (TP Phổ Yên); THPT Edison (TP Thái Nguyên).

⁵ Không bao gồm: Trường PT Vùng cao Việt Bắc; Trường Văn hóa thuộc Bộ Công an.

- Cấp học tiểu học: Tổng số có 117.496 học sinh, giảm 3.139 học sinh so với năm 2020, trong đó:

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,99%, **vượt 0,09%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 99,9%).

+ Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đi học đạt 99,99%, **vượt 0,39%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 99,60%).

- Cấp học trung học cơ sở: Tổng số có 95.070 học sinh, tăng 18.467 học sinh so với năm 2020, trong đó:

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99,7%, **đạt** mục tiêu đề ra (mục tiêu 99,7%).

+ Tỷ lệ học sinh từ 11 đến 14 tuổi vào học cấp trung học cơ sở đạt 99,5%, **đạt** mục tiêu đề ra (mục tiêu 99,5%).

- Cấp học trung học phổ thông: Tổng số có 55.554 học sinh, trong đó:

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học lớp 10 (cả hai hệ giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên) đạt trên 90%, **vượt** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 85%).

+ Tỷ lệ đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 17 tuổi đi học đạt 98,30%, **vượt 13,3%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 85%).

- Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông đạt 8%, **đạt** mục tiêu đề ra (mục tiêu 8%).

- Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập đều **đạt và vượt** so với mục tiêu đề ra⁶ (mục tiêu 95%).

2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo

2.1. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Công tác xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của tỉnh luôn được chú trọng; chất lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng được nâng lên, từng bước đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng nhu cầu đổi mới trong công tác quản lý cũng như trong dạy học; 100% cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên của tỉnh được bồi dưỡng, tập huấn về chuẩn nghề nghiệp; thực hiện công tác điều động, bổ nhiệm, tuyển dụng, bố trí sử dụng, giải quyết chuyển chuyển viên chức trong và ngoài tỉnh theo đúng quy định.

⁶ Đối với trẻ em 3 tuổi đạt 100%, tiểu học đạt 99,48%, THCS đạt 95,1%.

- Tính đến tháng 3/2025, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập toàn tỉnh là 22.793 người, trong đó biên chế có 19.317, hợp đồng 111 có 2.376, hợp đồng định mức khoán có 1.100⁷. Tổng số cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục công lập là 1.588⁸; tổng số giáo viên trong các cơ sở giáo dục công lập là 19.016 (trong đó biên chế có 15.986, hợp đồng 111 có 1.930, hợp đồng định mức khoán có 1.100⁹); tổng số nhân viên các cấp học là 2.189 (trong đó biên chế có 1.743, hợp đồng 111 có 446¹⁰). Với số lượng biên chế và giáo viên hợp đồng khoán, hợp đồng theo Nghị định 111 tỷ lệ giáo viên đứng lớp của tỉnh đảm bảo theo quy định¹¹; đáp ứng đủ về số lượng và cơ cấu, chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo mục tiêu của giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện triển khai chuyển đổi số của ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với 15 nhiệm vụ cụ thể, có mục tiêu và lộ trình phù hợp với định hướng chỉ đạo của Nghị quyết và Kế hoạch của tỉnh.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan huy động nguồn nhân lực phục vụ cho triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số linh hoạt, dựa vào nguồn nhân lực hiện có của ngành, bằng cách thành lập đội ngũ cốt cán ở các cấp học, bồi dưỡng cho đội ngũ cốt cán, sử dụng đội ngũ cốt cán hướng dẫn, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các đơn vị cơ sở. Đồng thời, xây dựng kế hoạch phối hợp với VNPT, Viettel Thái Nguyên, các trường đại học của Đại học Thái Nguyên nhằm sử dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao của các đơn vị hỗ trợ, phục vụ các nhiệm vụ triển khai thực hiện chuyển đổi số. Trong các năm bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành giáo dục đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và hỗ trợ học sinh, cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác chuyển đổi số, đặc biệt trong công tác dạy học trực tuyến.

⁷ MN có 6.951, trong đó: biên chế có 5.957, hợp đồng 111 có 707, hợp đồng định mức khoán có 287; TH có 7.213, trong đó: biên chế có 6.247, hợp đồng 111 có 591, hợp đồng định mức khoán có 375; THCS có 6.076, trong đó: biên chế có 4.848, hợp đồng 111 có 853, hợp đồng định mức khoán có 375; THPT có 2.231, trong đó: biên chế có 2.015, hợp đồng 111 có 173, hợp đồng định mức khoán có 52; GDTX có 322, trong đó: biên chế có 259, hợp đồng 111 có 52, hợp đồng định mức khoán có 11.

⁸ MN có 622; TH có 444; THCS có 405; THPT có 89; GDTX có 28.

⁹ MN có 5.903 (biên chế: 4.943); TH có 6.056 (biên chế: 5.269); THCS có 4.839 (biên chế: 3.804); THPT có 1.965 (biên chế: 1.774); GDTX có 253 (biên chế: 196).

¹⁰ MN có 426 (biên chế: 392); TH có 713 (biên chế: 534); THCS có 832 (biên chế: 639); THPT có 177 (biên chế: 143); GDTX có 41 (biên chế: 35).

¹¹ Cấp mầm non đạt 2,0 giáo viên/lớp; cấp tiểu học đạt 1,5 giáo viên/lớp; cấp trung học cơ sở đạt 1,9 giáo viên/lớp; cấp trung học phổ thông đạt 2,25 giáo viên/lớp.

- So với mục tiêu của giai đoạn 2021-2025, ngành giáo dục đã cơ bản đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực trong thực hiện chuyển đổi số.

- Tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 98,66%. So với mục tiêu đến năm 2025 **thấp hơn** 1,34% (mục tiêu 100%).

- Tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo là 35,7% **vượt 0,5%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 35,2%).

- Tỷ lệ giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ là 99,24%. So với mục tiêu đến năm 2025 **thấp hơn** 0,76% (mục tiêu 100%).

2.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Tỷ lệ phòng học kiên cố các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông của tỉnh đã đạt 93,25%, **vượt 18,25%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 75%).

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành có liên quan cùng các địa phương cấp huyện đã tích cực triển khai thực hiện Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025”; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, Nghị quyết, Quyết định của HĐND, UBND tỉnh về tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, sách giáo khoa, đồ dùng dạy học bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục.

- Trong các năm học vừa qua tỉnh đã tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú. Đến nay đã có 05/06 trường phổ thông dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia (*tỷ lệ 83,33%*), có 06/10 trường phổ thông dân tộc bán trú đã đạt chuẩn quốc gia (*tỷ lệ 60%*).

- So với mục tiêu của giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã cơ bản đảm bảo mục tiêu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 100% các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú; cơ bản đảm bảo mục tiêu đầu tư trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các cấp học, đủ điều kiện thực hiện chương trình, đặc biệt đối với các lớp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; hoàn thành kế hoạch về 02 Trường trung học phổ thông Đội Cấn, Túc Tranh và đang hoàn thành xây dựng Trường trung học phổ thông Lý Nam Đế.

- Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của UBND tỉnh, ngành Giáo dục đã xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức các hội nghị, tập huấn; triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến, kết hợp nhiều mô hình dạy học; bước đầu hình thành kho học liệu dùng chung cho toàn ngành; hình thành dữ liệu ngành giáo dục phục vụ cho công tác quản lý ngành và quá trình phát triển chính quyền số tỉnh; triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử sử dụng chữ ký số, liên thông, thống nhất với trực văn bản liên thông

của tỉnh và quốc gia; trang bị đủ thiết bị phục vụ họp trực tuyến; triển khai số hóa và điện tử các loại hồ sơ, sổ sách trong các cơ sở giáo dục và thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã đảm bảo đồng bộ về cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo phục vụ dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, tăng cường nguồn lực huy động xã hội hóa cùng tham gia thực hiện.

3. Chất lượng giáo dục

Trong 05 năm qua, ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng lên theo hướng bền vững, các kết quả về chất lượng giáo dục theo mục tiêu của Chương trình:

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục ở các cấp học, trong đó: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 2 với kết quả 172/172 đơn vị cấp xã; 09 đơn vị cấp huyện và tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Đảm bảo mục tiêu về phổ cập, xóa mù chữ của năm 2025.

- Có 100% trẻ em đến trường được thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non, được học hai buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Đảm bảo mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non của năm 2025.

- Học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,5%, **đạt** mục tiêu năm 2025 (mục tiêu 98,5%).

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,94%, **vượt 0,44%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 99,5%).

- Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,39%, **vượt 7,39%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu 92%).

- Số trường mầm non, phổ thông thực hiện công tác tự đánh giá theo quy định đạt 100%, giữ ổn định so với năm 2020, **đạt** mục tiêu đề ra.

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến thời điểm hiện tại đạt tỷ lệ 89,15%, đến hết năm 2025 **sẽ đạt 90,04%** (mục tiêu 90%).

- Có 100% các trường học xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, **đạt** mục tiêu của năm 2025.

- Có 100% các trường học xây dựng kế hoạch Đề án nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án, thực hiện tốt việc phối hợp triển khai hoạt động bồi dưỡng theo nguồn kinh phí thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia và Đề án Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh của tỉnh. Tổ chức tốt việc bồi dưỡng nâng chuẩn năng lực ngoại ngữ và bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ lệ phí thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

- Có 100% các đơn vị xây dựng kế hoạch Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Các đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số, triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến miễn phí; hình thành kho học liệu dùng chung cho ngành giáo dục; triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử sử dụng chữ ký số; trang bị đủ thiết bị đầu cuối phục vụ họp trực tuyến; triển khai số hóa và điện tử các loại hồ sơ, sổ sách trong các cơ sở giáo dục; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; tích hợp dữ liệu dân cư quốc gia...

*(Chi tiết các chỉ tiêu Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo
giai đoạn 2021 - 2025 tại Phụ lục kèm theo)*

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đã thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 là: 4.206.655,33 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là 40.638,33 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Đề án “Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025 là 4.166.017 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình đảm bảo chặt chẽ, bám sát thực tiễn và có định hướng rõ ràng nên chất lượng giáo dục và đào tạo được phát triển vững chắc.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, địa phương thực hiện và triển khai hiệu quả Chương trình; các đơn vị, địa phương, thực hiện tốt quy hoạch, ưu tiên dành quỹ đất cho giáo dục, xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công cho các giai đoạn.

- Mạng lưới trường, lớp các cấp học được củng cố, phát triển cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được tăng cường; sách giáo khoa, đồ dùng dạy học bảo đảm cho các hoạt động giáo dục.

- Đội ngũ giáo viên của tỉnh từng bước được nâng cao về chất lượng, đảm bảo đủ về số lượng, các chế độ chính sách nhà giáo được đảm bảo. Tỉnh đã ban hành nghị quyết hỗ trợ kinh phí cho các trường mầm non và phổ thông để thực hiện công tác giảng dạy, nấu ăn.

- Các cuộc vận động và phong trào thi đua đổi mới sáng tạo trong dạy và học của tỉnh được chỉ đạo triển khai nghiêm túc và đồng bộ, góp phần tạo môi trường học tập hứng thú, gắn bó thầy trò, trong rèn luyện, trau dồi kỹ năng sống và tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Học sinh có khả năng tốt hơn về năng lực làm chủ và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Ngoài ra, học sinh đã biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, hướng tới cuộc sống ý nghĩa, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội.

- Chất lượng và hiệu quả giáo dục không ngừng được nâng lên theo hướng bền vững, đảm bảo đạt và vượt các mục tiêu của Chương trình.

- Đã có 30/32 chỉ tiêu trong Chương trình đạt hoặc vượt kế hoạch đặt ra đến năm 2025.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Những chỉ tiêu chưa đạt

Bên cạnh các chỉ tiêu đã đạt và đúng kế hoạch của giai đoạn 2021-2025, vẫn còn 02/32 chỉ tiêu cần quan tâm triển khai thực hiện để hoàn thành. Cụ thể:

- Tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ đào tạo là 98,66%. So với mục tiêu đề ra còn thấp hơn 1,34% (mục tiêu 100%).

- Tỷ lệ giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ là 99,24%. So với mục tiêu đề ra còn thấp hơn 0,76% (mục tiêu 100%).

2.2. Nguyên nhân

- Một bộ phận giáo viên lớn tuổi, chuẩn bị nghỉ hưu nên không còn động lực học tập nâng cao trình độ.

- Một số môn học giáo viên đã đăng ký đi học để đạt chuẩn trình độ đào tạo nhưng do số lượng ít nên cơ sở đào tạo không mở lớp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy, chính quyền các cấp; giám sát của HĐND các cấp đối với triển khai thực hiện Chương trình. Gắn nhiệm vụ triển khai Chương trình với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Thường xuyên làm tốt công tác phổ biến, quán triệt quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết, của Chương trình đến các cấp ủy, chỉ bộ và từng đơn vị, cá nhân.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình, Đề án, Kế hoạch của ngành trong giai đoạn 2021-2025.

3. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, cụ thể: Tiếp tục bổ sung các nguồn lực thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý, thu gọn lại các điểm trường lẻ trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương trong tỉnh; đồng thời, tập trung tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung phòng học để chống quá tải.

6. Tích cực tham mưu, đề xuất các giải pháp khả thi để triển khai thực hiện các mục tiêu đề ra trong Chương trình, đặc biệt đối với 02 chỉ tiêu chưa đạt theo mục tiêu của chương trình.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Thái Nguyên về kết quả 05 năm thực hiện Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Chiptq.BC.03/T6



Nguyễn Linh



Phụ lục

SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung mục tiêu, nhiệm vụ	Số liệu năm 2020	Số liệu đến tháng 5/2025	Chỉ tiêu cần đạt năm 2025	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025	Kết quả so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025
I	Mạng lưới, quy mô, loại hình trường lớp					
1	Mạng lưới trường lớp					
1.1	Có 250 trường mầm non (tăng 07 trường gồm: 04 trường thuộc TP Thái Nguyên, 01 trường thuộc TX Phổ Yên, 01 trường thuộc TP Sông Công và 01 trường thuộc huyện Đồng Hỷ)	243	245	250	Thành lập mới 06 trường; giải thể 05 trường; sáp nhập 02 trường thành 01 trường	Đạt
1.2	Có 215 trường tiểu học	214	200	215	Thành lập mới 02 trường; giải thể 01 trường; giảm 15 trường do thực hiện sáp nhập	Đạt
1.3	Có 193 trường trung học cơ sở (giữ ổn định)	193	191	193	Giảm 02 trường do sáp nhập	Đạt
1.4	Có 36 trường trung học phổ thông	33	37	36	Thành lập mới 01 trường	Vượt chỉ tiêu 01 trường
1.5	Giữ ổn định mạng lưới, loại hình các trung tâm (01 trung tâm GDTX tỉnh; 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện; 01 trung tâm HTPGTGDHN trẻ khuyết tật tỉnh)	11	11	11	0	Đạt
1.6	Có 178 trung tâm học tập cộng đồng (giữ ổn định)	178	172	178	Giảm 06 do sáp nhập	Đạt
2	Huy động học sinh					
2.1	Cấp học mầm non					
2.1.1	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (dưới 3 tuổi) đi học: 35%;	31,40%	37,30%	35%	2,30%	Vượt chỉ tiêu 2,3%

TT	Nội dung mục tiêu, nhiệm vụ	Số liệu năm 2020	Số liệu đến tháng 5/2025	Chỉ tiêu cần đạt năm 2025	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025	Kết quả so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025
2.1.2	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo (3-5 tuổi) đi học: 96%;	95,98%	99,20%	96%	3,20%	Vượt chỉ tiêu 3,2%
2.1.3	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học: 100%.	100%	100%	100%	0	Đạt
2.2	<i>Cấp học tiểu học</i>					
2.2.1	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 99,9%;	99,99%	99,99%	99,90%	0,09%	Vượt chỉ tiêu 0,09%
2.2.2	Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6-10 tuổi) đi học: 99,6%	99,53%	99,99%	99,60%	0,39%	Vượt chỉ tiêu 0,39%
2.3	<i>Cấp học trung học cơ sở</i>					
2.3.1	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6: 99,7%;	99,67%	99,70%	99,70%	0	Đạt
2.3.2	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi (11-14 tuổi) đi học: 99,5%	99,41%	99,50%	99,50%	0	Đạt
2.4	<i>Cấp trung học phổ thông</i>					
2.4.1	Tỷ lệ tuyển sinh lớp 10 hằng năm: 85%	86,15%	>86%	85%		Đạt
2.4.2	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi (15-17 tuổi) đi học: 85%	91,42%	98,30%	85%	13,30%	Vượt chỉ tiêu 13,3%
2.4.3	Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số được học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông: 8%	8,03%	8%	8%	0	Đạt
2.4.4	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật trong độ tuổi có khả năng học tập được đi học ở các lớp chuyên biệt và hòa nhập: 95% trở lên	95,41%	>95%	95%		Đạt
3	Loại hình trường lớp					
3.1	Khuyến khích đầu tư xây dựng và phát triển các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập	34 trường	37 trường			Đạt
II	Các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo					
1	Xây dựng và phát triển đội ngũ					

TT	Nội dung mục tiêu, nhiệm vụ	Số liệu năm 2020	Số liệu đến tháng 5/2025	Chỉ tiêu cần đạt năm 2025	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025	Kết quả so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025
1.1	Đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu theo quy định, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp		Đảm bảo mục tiêu			Đạt
1.2	Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực trong thực hiện chuyển đổi số		Đảm bảo mục tiêu			Đạt
1.3	100% giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ đào tạo	82,51%	98,66%	100%	-1,34%	Chưa đạt
1.4	Tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt trên chuẩn là 35,2%	30,48%	35,70%	35,20%	0,50%	Vượt chỉ tiêu 0,5%
1.5	100% giáo viên dạy tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ	90,86%	99,24%	100%	-0,76%	Chưa đạt
2	Cơ sở vật chất					
2.1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường từ mầm non đến trung học phổ thông, phần đầu có 75% phòng học kiên cố ở các cấp học	71,38%	93,25%	75%	18,25%	Vượt chỉ tiêu 18,25%
2.2	Đầu tư trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các cấp học		Đảm bảo mục tiêu			Đạt
2.3	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 100% các trường PTDT nội trú và bán trú	100%	100%	100%	0	100%
2.4	Đầu tư xây dựng mới Trường trung học phổ thông Tức Tranh; hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trường trung học phổ thông Đội Cấn và trung học phổ thông Lý Nam Đế.		Đảm bảo mục tiêu			Đạt
2.5	Đảm bảo đồng bộ cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước phục vụ dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau		Đảm bảo mục tiêu			Đạt
III	Chất lượng giáo dục					

TT	Nội dung mục tiêu, nhiệm vụ	Số liệu năm 2020	Số liệu đến tháng 5/2025	Chỉ tiêu cần đạt năm 2025	Tăng (+), giảm (-) so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025	Kết quả so với chỉ tiêu đề ra đến năm 2025
1	Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ		Đảm bảo mục tiêu			Đạt
2	Có 100% trẻ em đến trường được thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non, được học 02 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường	100%	100%	100%	0	100%
3.1	Có 98,5% học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	98,27%	98,50%	98,50%	0	Đạt
3.2	99,5% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở	99,85%	99,94%	99,50%	0,44%	Vượt chỉ tiêu 0,44%
3.3	92% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông	97,97%	99,39%	92%	7,39%	Vượt chỉ tiêu 7,39%
4.1	Có 100% các trường mầm non, phổ thông thực hiện tốt công tác tự đánh giá theo quy định	100%	100%	100%	0	Đạt
4.2	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia: 90%	84,48%	89,15%	90%	-0,85%	Đến hết năm 2025 đạt 90,04%
5	Phấn đấu 100% các trường học xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử	100%	100%	100%	0	100%
6	Phấn đấu 100% các trường học xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt Đề án nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	100%	100%	100%	0	100%
7	Phấn đấu 100% các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện thành công Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	100%	100%	100%	0	100%